

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và
dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi,
chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 203/TTr-SYT ngày 16/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 169 Danh mục thủ tục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và Dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế.

(Danh mục và phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VNPT tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm PVHCC các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, N (02b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ MỘT PHẦN
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ Y TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Cấp thực hiện	Trực tuyến một phần	Trực tuyến toàn trình
A.	CẤP TỈNH: 148 DANH MỤC TTHC				
I	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI: 05 TTHC				
1	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000025	Cấp tỉnh		x
2	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000027	Cấp tỉnh		x
3	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	1.000091	Cấp tỉnh		x
4	Cấp giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	1.014010	Cấp tỉnh		x
5	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	1.014011	Cấp tỉnh		x
II	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH: 30 DANH MỤC TTHC				
1	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	1.012256	Cấp tỉnh		x

2	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa gia truyền	1.012271	Cấp tỉnh		x
3	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa gia truyền	1.012272	Cấp tỉnh		x
4	Gia hạn Giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012273	Cấp tỉnh		x
5	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	2.000559	Cấp tỉnh		x
6	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.002464	Cấp tỉnh		
7	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	1.006780	Cấp tỉnh		x
8	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	1.001138	Cấp tỉnh		x
9	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	1.012262	Cấp tỉnh		x
10	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012290	Cấp tỉnh		x

11	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012291	Cấp tỉnh		x
12	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng.	1.012292	Cấp tỉnh		x
13	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012278	Cấp tỉnh	x	
14	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012279	Cấp tỉnh		x
15	Đăng ký hành nghề	1.012275	Cấp tỉnh		x
16	Đề nghị thí điểm khám bệnh chữa bệnh từ xa	1.012261	Cấp tỉnh		x
17	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012289	Cấp tỉnh		x
18	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012290	Cấp tỉnh		x
19	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá	1.012291	Cấp tỉnh		x

	năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng.				
20	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012292	Cấp tỉnh		x
21	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	1.012257	Cấp tỉnh		x
22	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	1.012258	Cấp tỉnh	x	
23	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	1.012260	Cấp tỉnh		x
24	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.	1.012276	Cấp tỉnh		x
25	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012280	Cấp tỉnh		x
26	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	1.012281	Cấp tỉnh		x
27	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	1.012256	Cấp tỉnh		x
28	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa gia truyền	1.012271	Cấp tỉnh		x

29	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa gia truyền	1.012272	Cấp tỉnh		x
30	Gia hạn Giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012273	Cấp tỉnh		x
III	LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM: 14 DANH MỤC TTHC				
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.014076	Cấp tỉnh	x	
2	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	1.014078	Cấp tỉnh		x
3	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.014087	Cấp tỉnh		x
4	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	1.014090	Cấp tỉnh		x
5	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	1.014092	Cấp tỉnh		x
6	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	1.014099	Cấp tỉnh		x

7	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	1.014100	Cấp tỉnh		x
8	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	1.014101	Cấp tỉnh		x
9	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động.	1.014102	Cấp tỉnh		
10	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.014104	Cấp tỉnh		x
11	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	1.014105	Cấp tỉnh		x
12	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	1.014069	Cấp tỉnh		x
13	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1, Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	1.002235	Cấp tỉnh		x
14	Cung thuốc phóng xạ	1.001396	Cấp tỉnh		x
IV	LĨNH VỰC Y DƯỢC CỔ TRUYỀN: 06 DANH MỤC TTHC				
1	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT- BYT	1.009407	Cấp tỉnh	x	

2	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	1.012415	Cấp tỉnh		x
3	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế.	1.012416.	Cấp tỉnh		x
4	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT- BYT	1.012417	Cấp tỉnh	x	
5	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012418	Cấp tỉnh	x	
6	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012419	Cấp tỉnh	x	
V	LĨNH VỰC MỸ PHẨM: 09 DANH MỤC TTHC				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003055	Cấp tỉnh	x	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003064	Cấp tỉnh		x
3	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003073	Cấp tỉnh		
4	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	1.002600	Cấp tỉnh		x
5	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	1.009566	Cấp tỉnh	x	

6	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	1.002483	Cấp tỉnh		x
7	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	1.000793	Cấp tỉnh		x
8	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	1.000662	Cấp tỉnh		x
9	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000990	Cấp tỉnh		x
VI	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG: 12 DANH MỤC TTHC				
1	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	1.01389	Cấp tỉnh	x	
2	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	1.013847	Cấp tỉnh		x
3	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	1.013851	Cấp tỉnh		x
4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	1.013855	Cấp tỉnh	x	
5	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực	1.013858	Cấp tỉnh	x	

	phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi				
6	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.013862	Cấp tỉnh	x	
7	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1.0013857	Cấp tỉnh	x	
8	Đăng ký gia chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1.013854	Cấp tỉnh		x
9	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1.013850	Cấp tỉnh	x	
10	Đăng ký chỉ định cơ sở cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	1.013844	Cấp tỉnh		x
11	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận	1.013841	Cấp tỉnh		x

	theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025				
12	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	1.013829	Cấp tỉnh	x	
VII	LĨNH VỰC ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC: 02 DANH MỤC TTHC				
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh	1.013824	Cấp tỉnh		x
2	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	1.004539	Cấp tỉnh		x
VIII	LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ: 02 DANH MỤC TTHC				
1	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần cấp tỉnh	1.013871	Cấp tỉnh	x	
2	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần cấp tỉnh	1.013876	Cấp tỉnh	x	
IX	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG: 57 DANH MỤC TTHC				
1	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	2.000993	Cấp tỉnh	x	

2	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	2.000981	Cấp tỉnh	x	
3	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt	2.000972	Cấp tỉnh	x	
4	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	1.002204	Cấp tỉnh	x	
5	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	2.000997	Cấp tỉnh	x	
6	Cấp thẻ nhân viên Tiếp cận cộng đồng	1.004568	Cấp tỉnh	x	
7	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	1.013035	Cấp tỉnh	x	
8	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	1.004607	Cấp tỉnh		x
9	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	1.004564	Cấp tỉnh		x
10	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	2.001089	Cấp tỉnh		x

11	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn	2.001080	Cấp tỉnh		x
12	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất	2.001072	Cấp tỉnh		x
13	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm	2.001060	Cấp tỉnh		
14	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	2.002683	Cấp tỉnh		x
15	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	2.002684	Cấp tỉnh		x
16	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	2.002685	Cấp tỉnh		x
17	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	1.003958	Cấp tỉnh		x
18	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.003914	Cấp tỉnh		x
19	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.003842	Cấp tỉnh		x

20	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.003796	Cấp tỉnh	x	
21	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.003771	Cấp tỉnh		X
22	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.003749	Cấp tỉnh		x
23	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.003707	Cấp tỉnh		x
24	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	1.013868	Cấp tỉnh		x
25	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013870	Cấp tỉnh		x
26	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013872	Cấp tỉnh		x

27	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu	1.013875	Cấp tỉnh		x
28	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	1.013880	Cấp tỉnh		x
29	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	1.013881	Cấp tỉnh	x	
30	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	1.013883	Cấp tỉnh		x
31	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	1.013886	Cấp tỉnh		x
32	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	1.013889	Cấp tỉnh		x
33	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013892	Cấp tỉnh		x
34	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá	1.013896	Cấp tỉnh		

35	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)	1.013898	Cấp tỉnh		x
36	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	1.013894	Cấp tỉnh		x
37	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	1.003580	Cấp tỉnh		x
38	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	2.000655	Cấp tỉnh		x
39	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	1.001386	Cấp tỉnh		x
40	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.002944	Cấp tỉnh		x
41	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	1.002467	Cấp tỉnh		x
42	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003958	Cấp tỉnh		x
43	Công bố đủ điều kiện huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận về y tế lao động đối với cơ sở y tế thuộc thẩm quyền Sở Y tế	1.003993	Cấp tỉnh		x
44	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS	1.000844	Cấp tỉnh		x

45	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	1.004607	Cấp tỉnh		x
46	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	1.004564	Cấp tỉnh		
47	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	1.013036	Cấp tỉnh		x
48	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	1.013037	Cấp tỉnh		x
49	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	2.002683	Cấp tỉnh		x
50	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	2.002684	Cấp tỉnh		x
51	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	2.002685	Cấp tỉnh		x
52	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.004070	Cấp tỉnh		x
53	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.004062	Cấp tỉnh		x
54	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.002564	Cấp tỉnh		x
55	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.001189	Cấp tỉnh		x

56	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	1.001178	Cấp tỉnh		x
57	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	1.001114	Cấp tỉnh		x
X	LĨNH VỰC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ: 06 DANH MỤC TTHC				
1	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B.	3.000449	Cấp tỉnh	x	
2	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	3.000448	Cấp tỉnh	x	
3	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	3.000449	Cấp tỉnh		x
4	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	1.003006	Cấp tỉnh		x
5	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	1.003029	Cấp tỉnh		x
6	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	1.003039	Cấp tỉnh		x
XI	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI: 06 TTHC				
1	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng	1.001806	Cấp tỉnh		x

	từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật				
2	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	1.013814	Cấp tỉnh		x
3	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	1.013815	Cấp tỉnh		x
4	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	1.013817	Cấp tỉnh		x
5	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013820	Cấp tỉnh		x
6	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	1.012993	Cấp tỉnh		x
XII	LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG: 01 DANH MỤC TTHC				
1	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y được cổ truyền	1.009249	Cấp tỉnh	x	
B	CẤP XÃ: 19 DANH MỤC TTHC				
I	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI: 12 DANH MỤC TTHC				
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	2.000286	Cấp xã		x
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	2.000282	Cấp xã		x
3	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	2.000477	Cấp xã		x
4	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng	1.001776	Cấp xã		x

	tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng				
5	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699	Cấp xã	x	
6	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653	Cấp xã	x	
7	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	1.013821	Cấp xã		x
8	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	1.013822	Cấp xã		x
9	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731	Cấp xã		x
10	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355	Cấp xã		x
11	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	1.014027	Cấp xã		x
12	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	1.014028	Cấp xã		x
II	LĨNH VỰC TRẺ EM: 06 DANH MỤC TTHC				
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004.946	Cấp xã		x
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004.944	Cấp xã		x
3	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2.001947	Cấp xã		x

4	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1.004941	Cấp xã	x	
5	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001944	Cấp xã	x	
6	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2.001942	Cấp xã		x
III	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI: 01 DANH MỤC TTHC				
1	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2.001661	Cấp xã		x